|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ ÁN**

**Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò,**

**đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợitrên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH/13 ngày 25/11/2015;

Luật Tài nguyên Nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012;

Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí (Nghị định số 120/2016/NĐ-CP);

Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên Nước (Nghị định số 201/2013/NĐ/NĐ-CP);

Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất và mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước (Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT);

Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bô Tài chính hướng dẫn sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường (Thông tư số 02/2017/TT-BTC);

Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU PHÍ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN PHÍ**

**1. Đánh giá tình hình thu phí**

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và ban hành Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện từ ngày 01/08/2017.

Việc ban hành Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND làcơ sở tổ chức thực hiện thu phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; đồng thờithể hiện việc thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí.

Thực hiện Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 có 04 loại phí cần phải thu (như tại phần tên các loại phí) tương ứng mỗi loại phí có các mức thu phí khác nhau tùy theo từng trường hợp, quy mô, lưu lượng của từng loại phí.Đã tổ chức thu phí với tổng số tiền phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước thu được là **1.701.250.000 đồng***(Chi tiết tại Phụ lục 1)*,số tiền thu phí nộp 100% vào ngân sách nhà nước, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự toán đề nghị cấp kinh phí cho công tác thẩm định và tổ chức thu phí.

Công tác thu phí được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định tạo nguồn thu cho ngân sách và đảm bảo chi phí cho hoạt động thẩm định và chi trả lương cho người trực tiếp làm công tác thu phí.

Trong 03 năm thực hiện công tác thu phí cho thấy các tổ chức, cá nhân đều đồng thuận, thống nhất với mức phí đã được UBND tỉnh ban hành và tích cực thực hiện chi trả các khoản phí đề nghị thẩm định, cấp phép các hoạt động về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

**2. Sự cần thiết xây dựng Đề án phí**

Ngày 29/11/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương(có hiệu lực kể từ ngày 13/01/2020) thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.Căn cứ Khoản 1 Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định *“1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật”.*Theo đó, việc ban hành Nghị quyết quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC là cần thiết.

Việc ban hành Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ các quy định của pháp luật về Phí, Lệ phí. Hơn nữa, việc thu phí là nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước hiệu quả, tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với việc xả thải vào nguồn nước; tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo điều kiện cho cơ quan thu phí có thêm nguồn thu để trang trải cho hoạt động thẩm định và chi cho người làm công tác thu phí.

Để kịp thời triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí, việc xây dựng Đề án phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

**III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN PHÍ**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi được áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*(Theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính và Điều 2 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất và mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước).*

**2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân hoạt động về tài nguyên nước nộp hồ sơ thẩm định về điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(Theo quy định tạikhoản 12, 13, 14 và 15Điều 2Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính quy định đối tượng nộp phí cấp phép hành nghề, thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước).*

**3. Các trường hợp không phải nộp phí**

Các trường hợp không phải nộp phí là các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép được quy định tại Điều 16 Nghị định số 201/2013/NĐ/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên Nước.

**4. Phương thức cung cấp dịch vụ**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp phép hành nghề; khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ cơ quan được giao thẩm địnhthực hiện thẩm định các hồ sơ theo quy mô xin phép hành nghề;lưu lượng khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước. Hồ sơ đạt yêu cầu trình cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp phép theo quy định.

**5. Tổ chức thu phí**

Cơ quan tổ chức thu Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là ***Sở Tài nguyên và Môi trường*** *(theo quy định tại Khoản 2 Điều 28, Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước*).

**6. Đồng tiền thu phí**

Đơn vị tiền tệ để thu phí: Đồng Việt Nam (VNĐ).

**7. Tên phí**

Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi được quy định cụ thể như sau:

a) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy mô, cụ thể như sau:

- Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm)*.

- Đề án thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)*.

- Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm).*

*-* Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm).*

*-* Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm).*

*-* Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)*

b) Phí thẩm định đề án, báo cáo, khai thác, sử dụng nước mặttheo các trường hợp cụ thể như sau:

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt *(đối với trường hợp chưa có công trình khai thác).*

*-* Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dung nước mặt *(đối với trường hợp đã có công trình khai thác).*

c) Phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợitheo lưu lượng, cụ thể như sau:

- Đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với lưu lượng dưới 200 m3/ngày đêm).*

*-* Đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với lưu lượng từ 200 m3/ngày đêm đến dưới 3.000 m3/ngày đêm).*

*-* Đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản *(với lưu lượng dưới 30.000 m3/ngày đêm).*

d) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đấttheo quy mô, cụ thể như sau:

- Thẩm định hồ sơhành nghề khoan nước dưới đấtvới quy mô nhỏ*(trường hợp có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m3/ngày đêm).*

*-* Thẩm định hồ sơhành nghề khoan nước dưới đấtvới quy mô vừa*(trường hợp có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200m3/ngày đêm đến dưới 3.000 m3/ngày đêm).*

**8. Mức thu phí**

***a) Căn cứ xác định mức thu:***

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính quy định nguyên tắc xác định mức thu phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động do cơ quan Trung ương thực hiện; tham khảo mức thu của các địa phương có điều kiệnkinh tế - xã hội tương đồng để bảo đảm sự hài hòa, thống nhất giữa các địa phương.

Việc thu các khỏan phí về phí tài nguyên nước là nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; hạn chế các tổ chức, cá nhânthăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; đồng thời sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước, hạn chế xả nước thải vào nguồn nước. Mức thu phí được xác định căn cứ kết quả thu, chi phí (theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND)và dự toán thu chi,mức thu phí được xác định trên cơ sở tính toán đủ các chi phí thẩm định cấp phép như: Lấy ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực tài nguyên nước (đối với hồ sơ có lưu lượng lớn); chi phí thuê xe để khảo sát thực tế tại khu vực cấp phép; chi phí văn phòng phẩm phục vụ cho công tác thẩm định hồ sơ và chi phí thu mẫu, phân tích mẫu đối chứng phục vụ công tác thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợihiện nay còn phù hợp theo mức thu, chi theo quy định tại Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND.Vì vậy, Đề án phí xác định mức thu phí phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nailấy bằng mức thu quy định tại Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND.

Mức thu phí đối với các trường hợpgia hạn, điều chỉnh, bổ sung giấy phép: Căn cứ điểm a14 Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định trường hợp *“Thẩm định gia hạn, bổ sung (giấy phép) áp dụng mức thu tối đa bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu quy định nêu trên (tức mức thu cấp giấy phép lần đầu)”*. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính không quy định mức thu đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh, bổ sung giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước. Hơn nữa, quy trình thẩm định đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh, bổ sung giấy phép cũng thực hiện như thẩm định cấp phép lần đầu. Vì vậy, Đề án phí quy định mức thu đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh, bổ sung giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước áp dụng bằng với mức thu phí khi cấp giấy phép lần đầu.

- Dự toán thu phí 01 năm: 742.500.000 đồng,

- Dự toán chi 1 năm: 719.025.000 đồng

- Chênh lệch thu chi: 23.475.000 đồng

*(Chi tiết tại các Phụ lục 2,3,4 và 5)*

Trên cơ sở phân tích các chi phí thực hiện thẩm định nêu trên, việc xác định mức thu cho từng hồ sơ cụ thể, thể hiện bằng các mức phí cho từng nội dung được nêu tại các bảng biểu của điểm bdưới đây.

***b) Mức thu phí:***

b1)Thẩm địnhđề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất (thẩm định lần đầu, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung).

*Đơn vị tính: đồng/đề án, báo cáo*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SốTT** | **Nội dung thu** | **Mức thu** |
| 1 | Thẩm định thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 2 | Thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |
| 3 | Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng khai thác *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 4 | Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |
| 5 | Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 6 | Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |

b2)Thẩm định đề án, báo cáo, khai thác, sử dụng nước mặt (thẩm định lần đầu, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung).

*Đơn vị tính: đồng/đề án, báo cáo*

| **SốTT** | **Nội dung thu** | **Mức thu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt *(đối với trường hợp chưa có công trình khai thác)* | 7.500.000 |
| 2 | Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dung nước mặt *(đối với trường hợp đã có công trình khai thác)* | 7.500.000 |

b3)Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (thẩm định lần đầu, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung).

*Đơn vị tính: đồng/đề án, báo cáo*

| **Số TT** | **Nội dung thu** | **Mức thu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với lưu lượng dưới 200 m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 2 | Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với lưu lượng từ 200 m3/ngày đêm đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |
| 3  | Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản *(với lưu lượng dưới 30.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |

b4) Thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (thẩm định lần đầu, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung).

*Đơn vị tính: đồng/hồ sơ*

| **Số TT** | **Nội dung thu** | **Mức thu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thẩm định hồ sơhành nghề khoan nước dưới đấtvới quy mô nhỏ*(có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 2 | Thẩm định hồ sơhành nghề khoan nước dưới đấtvới quy mô vừa*(có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200m3/ngày đêm đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)*.  | 7.500.000 |

# 9. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phívà hiệu quả thu phí

***a) Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí:***

Qua hơn 02 năm thực hiện thu phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh, cho thấy: các tổ chức, cá nhân đều đồng thuận, thống nhất với mức phí đã được UBND tỉnh ban hành và sẵn sàng chi trả các khoản để được thẩm định, cấp phép các hoạt động về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Khi xây dựng đề án thu phí theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015, mức thu phí được tiếp tục đề xuất xây dựng dựa trên: biểu mức thu của 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh, việc thu chi thực tế trong việc thẩm định hồ sơ, đề án về tài nguyên nước trong thời gian qua, đồng thời có tham khảo thêm biểu mức thu phí thẩm định một số địa phương lân cận, nên mức thu phí được đề xuất trong đề án cơ bản đảm bảo sự hài hòa, thống nhất giữa các địa phương lân cận. Vì vậy, các tổ chức, cá nhân sẽ chi trả các khoản phí với mức thu đã đề xuất nêu trên.

Để việc quy định mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi mang tính đồng thuận, thống nhất cao, mức thu phí trong thời gian qua được các đối tượng tích cực thực hiện với mức thu phí trên.

***b) Hiệu quả thu phí:***

Hiệu quả thu phí được thể hiện rõ khi số phí thu được dùng vào các mục đích như: Nộp ngân sách tỉnh; chi cho các hoạt động thẩm định và thu phí, đây là cơ sở để các hoạt động trong quá trình thẩm định được thực hiện như kiểm tra hiện trường, lấy mẫu phân tích đối chứng, đọc bài nhận xét, qua đó nâng cao chất lượng thẩm định các đề án, báo cáo nhằm đảm bảo các dữ liệu đưa ra trong báo cáo sát với thực tế, có căn cứ khoa học, các giải pháp bảo vệ nguồn tài nguyên nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với nước thải ra môi trường.

**10. Mức trích phí**

Căn cứ Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016quy định phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, cơ quan thu phí nộp 100% số tiền thu phí vào ngân sách nhà nước tỉnh. Chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định.

**11. Chế độ công khai, thu nộp, quản lý sử dụng và quyết toán phí**

***a) Chứng từ thu phí:***

Chứng từ thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước do Cục Thuế tỉnh Đồng Nai phát hành theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

***b) Thu nộp và quản lý, sử dụng phí:***

**- Thu nộp phí:**Định kỳ trước ngày 05 (năm) hàng tháng, tổ chức thu thực hiện kê khai kết quả số tiền phícủa tháng trước gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu của cơ quan thuế quy định.

Nhận được tờ kê khai của tổ chức thu gửi đến, cơ quan thuế phải kiểm tra, tính và thông báo cho tổ chức thu nộp vào ngân sách nhà nước trên tổng số tiền phíthu được trong kỳ. Thông báo của cơ quan thuế phải ghi rõ số tiền nộp. Thời gian nộp và chương, loại, khoản, mục, tiểu mục của mục lục ngân sách quy định.

Tổ chức thu phíphải nộp tiền phívào ngân sách nhà nước theo đúng thông báo của cơ quan thuế, chậm nhất không quá ngày 20 của tháng tiếp theo.

**- Quản lý, sử dụng phí:**Theo điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Vì vậy, cơ quan thu phí sẽ nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định.

Kinh phí cho hoạt động thu phí cấp hàng năm được sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2106/NĐ-CP như chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành; chi sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.Trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ nguồn thu phí; các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

***c) Lập dự toán thu và quyết toán phí:***

Hàng năm, cơ quan tổ chức thu phí phải lập dự toán thu - chi đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo Luật Ngân sách hiện hành (Dự toán phân khai chi tiết nội dung thu - chi phí đúng quy định và kèm thuyết minh) gửi cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên, cơ quan Tài chính, cơ quan Thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền phí để cấp kinh phí và kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Định kỳ cuối quý, năm tổ chức thu phí, lệ phí phải lập quyết toán phí gửi cơ quan thuế, tài chính cùng cấp để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt quyết toán năm.

***d) Công khai chế độ thu phí:***

Sở Tài nguyên Môi trường phối hợp Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai niêm yết công khai bảng thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai thông qua Nghị Quyết và UBND tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Sau khi Đề án phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết thông qua sẽ thay thế Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thu phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục thuế Đồng Nai, Sở Thông tin - Truyền thông, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định và bãi bỏ Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 về việc quy định phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của quy định pháp luật về phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** |